TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Ngọc Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chính

Bà Trần Thị Trúc Hoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/ QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Đức T, nơi cư trú: Tổ H, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Thị D, nơi cư trú: Tổ H, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

oà, V, Hải Phòng

NộnNỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 4 năm 2025 và các bản tự khai của nguyên đơn Anh Phạm Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, (mới là

phường B), quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 20-01-2005. Quá trình chung sống hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc; hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả; dẫn đến ly thân về tình cảm, không còn quan tâm với nhau từ năm 2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh T được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh T và chị D có 02 con chung là Phạm Bích D1, sinh ngày 09/8/2005 và Phạm Minh C, sinh ngày 25/01/2016; khi ly hôn, anh T nhận nuôi con Phạm Minh C, còn con Phạm Bích D1 đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn chị Phạm Thị D không trình bày ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn; Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị: Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); các điều 19, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Phạm Đức T được ly hôn Chị Phạm Thị D. Về con chung: Anh T và chị D có 02 con chung là Phạm Bích D1, sinh ngày 09/8/2005 và Phạm Minh C, sinh ngày 25/01/2016; khi ly hôn, giao cho anh T nuôi con Phạm Minh C, còn con Phạm Bích D1 đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản: Anh Phạm Đức T và Chị Phạm Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện về Ly hôn đối với bị đơn cư trú tại quận K, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân quận Kiến An thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, phù hợp quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Tòa án xét xử vắng mặt đương sự, phù hợp quy định khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở kết quả xác minh, trình bày của đương sự, đủ cơ sở xác định: Nguyên đơn, bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, ly thân về tình cảm trong thời gian dài. Anh Phạm Đức T và chị Phạm Thị D không có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ tình nghĩa vợ chồng tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định "*…vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc của gia đình*", "*…Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung*". Xét, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn, bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc nguyên đơn có đơn xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn.

[3] Về con chung: Anh T và chị D có 02 con chung là Phạm Bích D1, sinh ngày 09/8/2005 và Phạm Minh C, sinh ngày 25/01/2016; khi ly hôn, anh T nhận nuôi con Phạm Minh C, còn con Phạm Bích D1 đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cho anh Phạm Đức T trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Minh C, sinh ngày 25/01/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a và b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức T được ly hôn Chị Phạm Thị D.

- Về con chung: Giao con Phạm Minh C, sinh ngày 25/01/2016 cho anh Phạm Đức T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Anh Phạm Đức T và Chị Phạm Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Phạm Đức T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005051 ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, nên nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- VKSND TP Hải Phòng;
TAND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND phường Bắc Hà;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: TA, HS.

Vũ Ngọc Sinh